

Truyền Thông điểm sách

“Lê Văn Hưu and Ngô Sĩ Liên

A Comparative of their Perception of Vietnamese History ¹.

By YU INSUN²

Tóm Tắt:

Yu Insun, người Đại Hàn, giáo sư trường Đại Học Hán Thành, Đại Hàn. Bài viết này in trong cuốn Vietnam Borderless Histories do Nhung Tuyết Trần và Anthony Reid chủ biên, Wisconsin University Press phát hành năm 2006, tr. 45-71; và còn cài trên màn hình tin dưới tên Yu Insun. Truyền Thông hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc công trình nghiên cứu của Yu Insun.

C ho tới giữa thập niên 80 thế kỷ XX, giới sử học Hà Nội coi quốc sử như một khí cụ phục vụ Chiến Tranh và Đảng. Sau cuộc đổi mới, giới sử học tiếp tục dùng quốc sử làm lợi khí phục vụ Đảng và Chính Thể Toàn Trị. Không có một sử gia Hà Nội nào đưa ra một quan niệm về quốc sử. Giới sử gia ngoại quốc đặt lại vấn đề. Sử quan ngày trước, trong thời phong kiến, nhận thức quốc sử ra sao? Đã có một số sử gia ngoại quốc lưu ý tới vấn đề đó. Trong công trình nghiên cứu này, Yu Insun trả lời câu hỏi trên bằng cách so sánh quan điểm sử học của hai sử gia Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên, theo thứ tự là sử quan đời Trần và sử quan đời Lê, tác giả bộ Đại Việt Sử Ký và bộ Sử Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, (gọi tắt là Toàn Thư trong những trang kế tiếp). Ban điểm sách Truyền Thông giới thiệu công trình này tới bạn đọc.

Theo bộ sử Đại Việt Toàn Thư, vua Trần Thánh Tông, trị vì từ năm 1258 tới 1278, chỉ thị cho Lê Văn Hưu tham khảo sách sử và soạn thành bộ Đại Việt Sử Ký, gồm 30 quyển, dựa theo phương pháp viết sử của Tư Mã Quang, tác giả bộ sử Tư Trị Thông Giám của Trung Quốc. Nội dung bộ sử của Lê Văn Hưu,

1. Yu Insun, *Lê Văn Hưu and Ngô Sĩ Liên A Comparaison of their Perception of Vietnanese History*, in Nhung Tuyết Trần and Anthony Reid (eds), in *Vietnam Borderless Histories*, Oniversity of Winconsin Press, 2006, pp. 45-71.

bắt đầu từ Triệu Đà, trị vì vào khoảng cuối thế kỷ III và chấm dứt vào cuối đời nhà Lý (1225). Ngày nay giới sử học trong và cả ngoài Việt Nam chỉ tìm thấy bộ Đại Việt Sử Ký gồm 15 cuốn.

Bộ Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên, lấy bộ Sử Ký của Tư Mã Thiên, Trung Quốc, làm mẫu mực, là một bộ sử biên niên, khởi từ đời Hồng Bàng, khoảng ba ngàn năm trước công nguyên, kéo dài tới cuối nhà Lê vào năm 1428. Năm 1428, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu chỉ thị cho các sử thần thu thập sử liệu gửi về tàng trữ tại Đông Các. Ngô Sĩ Liên được chỉ định tham dự vụ thu thập sử liệu nói trên, nhưng ông có tang thân phụ, phải về quê cư tang. Hết tang, ông trở lại viện Đông Các thời việc thu thập sử liệu đã hoàn tất. Ngô Sĩ Liên, sử dụng những sử liệu do ông thu thập được, trong số đó có bộ Đại Việt Sử Ký của Lê Văn Hưu, đối chiếu sử liệu Việt Nam với sử liệu Trung Quốc, viết thành bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, gồm có Ngoại Ký, Bản Ký và Lê Thái Tổ Ký, dâng lên vua Lê Thánh Tông năm 1479. Số sử liệu tàng trữ tại viện Đông Các đã thất lạc, chỉ còn bộ Toàn Thư truyền lại tới ngày nay. Sau đó, sử quan dưới triều Lê ghi chép việc nước viết thành bộ Đại Việt Sử Ký Tục Biên.

Hai bộ sử Đại Việt Sử Ký và Toàn Thư, tạm đủ cho việc đối chiếu quan điểm sử học của hai sử quan Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên. Trong Đại Việt Sử Ký, Lê Văn Hưu viết ra 30 lời bàn. Trong Toàn Thư, Ngô Sĩ Liên để lại 170 lời bàn. Trong số đó, cho tới hết triều nhà Lý, sử quan Ngô Sĩ Liên viết 83 lời bàn: tức là có 56 lời bàn nhiều hơn tổng số lời bàn của Lê Văn Hưu. Có nhiều lời bàn, cả hai sử quan cùng bàn về một sự kiện. Đối chiếu lời bàn của hai sử quan trong những trường hợp này giúp người đọc dễ bề so sánh quan điểm sử học của hai nhà viết sử. Tác giả bộ Đại Việt Sử Ký Tục Biên không ghi thêm lời bàn.

LÊ VĂN HUU 黎文休

Lê Văn Hưu người Thanh Hóa, sinh năm 1230, mất năm 1322, thọ 93 tuổi. Ông đậu tiến sĩ năm 1247. Sau khi phục vụ trong nhiều chức vụ trong triều, ông được bổ nhiệm làm Chương Sử Quán, kiêm binh bộ thượng thư. Nhiều sử gia nghiên cứu về Lê Văn Hưu đặt câu hỏi: có những sự kiện quan trọng nào đã xảy ra từ năm năm 1230 khi Lê Văn Hưu ra đời tới năm 1272 khi ông hoàn tất bộ Đại Việt Sử Ký? Hiển nhiên sự kiện quan trọng nhất là thời kỳ quân Nguyên xâm lăng nước Đại Việt năm 1257, tiếp theo là cuộc chiến thắng của Trần Hưng Đạo đuổi quân Nguyên ra khỏi bờ cõi. Triều đình nhà Nguyên phải phong cho vua Trần Thánh Tông, năm 1261 làm An Nam Vương, từ đó việc bang giao giữa Nhà Nguyên với nhà Trần mới trở lại bình thường. Tuy

nhìen nhà Trần luôn luôn phải đề phòng nạn xâm lăng của nhà Nguyên. Năm 1271, nhân dịp đắg quang vua Nguyên đòi vua Trần sang châu. Năm sau vua Nguyên lại gửi ba sứ thần sang Đại Việt tìm cột đồng do Mã Viện trồng để đánh dấu biên thùy Hoa-Việt sau khi thắng quân Hai Bà Trung năm 42 Tây lịch

Chế độ truyền ngôi vua cho con để làm Thái Thượng Hoàng bắt đầu từ năm 1258 dưới triều vua Trần Thái Tông gây thêm mối căng thẳng ngoại giao giữa hai nước. Hơn nữa tục nhà Trần cho các hoàng tử công chúa thành hôn với nhau, nhằm mục đích củng cố vương quyền, cùng sự việc nho giả không được trọng dụng trong triều đình, đều đi ngược lại với tục lệ Trung Quốc. Thế nên việc vua Trần sai Lê Văn Hưu viết Đại Việt Sử Ký 大越史記 có thể coi như triều đình nhà Trần muốn chứng tỏ quyền bình đẳng và sự độc lập giữa nước Đại Việt với triều đình nhà Nguyên khi đó đang đô hộ Trung Quốc.

Việc Lê Văn Hưu chọn Triệu Đà 趙佗 làm khởi điểm cho việc dựng nước Đại Việt là bằng chứng sự bình đẳng giữa hai nước Hoa-Việt. Điều đó căn cứ trên truyền thuyết lịch sử dưới đây. Năm 196 trước Tây lịch. Sau khi thống nhất được đất nước, Hán Cao Tổ 漢高祖 sai sứ là Lục Giả 陸賈 sang Nam Việt phong vương cho Vũ Vương Triệu Đà. Gặp sứ giả nhà Hán, Triệu Đà hỏi: “Ta với Cao Tổ ai lớn hơn ai?” . Lục Giả trả lời Hán Cao Tổ trị vì một nước lớn hơn ắt là lớn hơn.” Triệu Đà hỏi tiếp: “Nếu ta sinh ra tại Trung Quốc, liệu ta có lớn bằng Cao Tổ không?” .

Sau khi Lữ Hậu 呂后 tiếm ngôi nhà Hán, việc bang giao giữa Nam Việt và nhà Hán trở nên căng thẳng hơn. Năm 183 trước Tây lịch, Triệu Đà tự xưng là Vũ Đế ngang hàng với các Hoàng Đế nhà Hán. Sau khi Hán Văn Đế 漢文帝 lên ngôi, một mặt Triệu Đà sai sứ sang triều cống nhà Hán, để duy trì hoà bình giữa hai nước, một mặt vẫn tự coi là ngang hàng với hoàng đế nhà Hán.

Suốt thời gian Lê Văn Hưu làm quan trong triều nhà Trần, nước Đại Việt luôn luôn bị nạn xâm lăng của Bắc Triều đe dọa, nên chắc chắn là ông thấu hiểu tầm quan trọng của việc duy trì nền độc lập, cùng việc tranh đấu để tránh những mối nhục trong việc bang giao. Triệu Đà là vị vua khéo léo giữ được độc lập cho đất nước mà không hy sinh sự đồng đẳng giữa hai nước Nam Việt và Trung Quốc nên không bị mất mặt trên đường ngoại giao. Đó là những lý do khiến Lê Văn Hưu coi Triệu Đà như người sáng lập ra nước Việt Nam. Dĩ nhiên Lê Văn Hưu cũng biết truyện những vị lãnh đạo khai quốc khác trước Triệu Đà, nhưng hình ảnh những vị khai quốc đó mờ nhạt trước hình ảnh Triệu Đà bởi nhưng vị lãnh đạo khai quốc trước Triệu Đà đều bằng lòng với

danh hiệu *vuông* 王 do triều đình Trung Quốc phong cho, và không dám nghĩ tới việc xưng *đế* 帝. Bình về Triệu Đà, Lê Văn Hưu viết cái lớn lao của người trị nước không phải là cái lớn lao của diện tích đất nước người đó mà là cái *đức* 德 của người đó. Lời đó là lời Lê Văn Hưu bác bỏ lời Lục Giả so sánh Triệu Đà với Hán Cao Tổ trên đây. Trong lời Lê Văn Hưu, chữ *đức* không chỉ trọn vẹn là chữ *đức* của đạo nho. Chữ *đức* này là chữ *đức* của một vị *đế*, biết hạ mình để giữ nước, như lời Lão Tử Đạo Đức Kinh. Lê Văn Hưu đã đoan kết là hai vị vua đầu nhà Trần, Trần Thái Tông và Trần Thánh Tông đều đã theo đúng gương Triệu Đà, một mặt giữ viện toàn được đất nước, mặt khác mềm mỏng giữ được bình đẳng ngoại giao với triều nhà Nguyên.

Lê Văn Hưu căn cứ trên mức bình đẳng giữa Trung Quốc và Việt Nam để ghi làm năm khởi đầu nền độc lập của nước Việt Nam đối với Trung Quốc. Ông không chọn năm 939, năm Ngô Quyền xưng vương, một năm sau khi đánh bại quân Nam Hán; mà ông chọn năm 966, năm Đinh Bộ Lĩnh xưng *đế* sau khi dẹp xong loạn Mười Hai Xứ Quân, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đặt kinh đô tại Hoa Lư. Ông công nhận công lao Ngô Quyền đã chiến thắng quân Nam Hán, nhưng ông chỉ trí Ngô Quyền không xưng *đế*, không chọn quốc hiệu, không đặt kinh đô, do đó Ngô Quyền không hoàn tất sự nghiệp dựng nước cho người Việt. Đinh Bộ Lĩnh, theo Lê Văn Hưu mới chính là người Trời sai xuống, dẹp tan loạn xứ quân, tiếp tục truyền thống dựng nước của Triệu Vũ Đế.

Đặt cao nền độc lập của người Lạc Việt, Lê Văn Hưu kết tội những ai đã làm mất nền tự chủ của nước nhà. Ông nghiêm khắc chỉ trích tể tướng Lữ Gia 呂嘉. Vào cuối năm 113 trước Tây lịch. Dưới triều vua Triệu Ai Vương 哀王, vua nhà Hán sai An Quốc Thiệu Quý 安國少季, sang Nam Việt. Sứ nhà Hán nguyên là tình nhân của hoàng hậu Cù Thị 繆氏, bà hoàng này vốn chỉ là tỳ thiếp của Triệu Minh Vương, nên cùng dễ dàng Ai vương đem nước Nam Việt về dâng nhà Hán. Lữ Gia biết mưu này, can ngăn không được, nên cùng mấy đại thần đem cấm binh vào giết sứ giả nhà Hán, Cù Thị và Ai vương, tôn Kiến Đức 建德, con trưởng của Minh Vương, mẹ là người Nam Việt lên làm vua. Nhà Hán nhân truyện này dấy quân xâm chiếm Nam Việt. Lữ Gia không chống nổi, và Nam Việt trở thành quận huyện nhà Hán. Việc Lê Văn Hưu kết tội Lữ Gia không giữ nổi nước chứng tỏ lòng ông thiết tha với nền tự chủ của Nam Việt.

Tiếp theo, Lê Văn Hưu chỉ trích những nhà lãnh đạo quần chúng, nổi dậy chống Trung Quốc, nhưng không đạt được tự chủ cho đất nước. Đó là trường

hợp Lý Bí 李贇 (còn đọc là Lý Bôn) dưới triều vua Lương Vũ Đế 梁武帝, năm 541 thống lĩnh người nghĩa dũng nổi lên đánh đuổi thái thú Giao Châu là Tiêu Tư 蕭諮 về Trung Quốc rồi chiếm giữ thành Long Biên 龍編. Theo truyền thống truyền lại từ Triệu Đà, Lý Bí tự xưng là Nam Việt Đế, lấy quốc hiệu là Vạn Xuân. Sau đó vua nhà Lương sai tướng Trần Bá Tiên 陳霸先 mang quân sang tái chiếm Giao Châu. Lý Bí thua, phải chạy trốn vào ẩn trong vùng núi, rồi sau đó bị bệnh chết. Lê Văn Hưu chỉ trích Lý Bí khá nặng. Ông coi Lý Bí chỉ là một viên tướng trung bình, nhưng đồng thời ông tiếc cho Lý Bí, trong tay có cả năm chục ngàn quân, đã để lỡ dịp giành lại tự chủ cho người Nam Việt, chỉ vì tài cầm quân của Lý Bí không bằng tài cầm quân của Trần Bá Tiên.

Theo Yu Insun, Lê Văn Hưu thay đổi quan điểm về sử học của ông khi bàn về Hai Bà Trưng. Dẫu cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, chống triều đình Trung Quốc, chấm dứt bằng một chiến bại, nhưng tinh thần chiến đấu giành tự chủ cho đất nước đã ăn sâu vào lòng toàn dân. Điều đó chính là điều đã giúp người dân nước Đại Việt thành công trong việc đánh đuổi quân Nguyên. Vốn là một nhà Nho, Lê Văn Hưu tất tin tưởng rằng người phụ nữ đã đứng lên giành tự chủ cho đất nước, tất nhiên người trai đất Đại Việt phải bảo vệ đất nước hữu hiệu hơn nữa.

Lê Văn Hưu đề cao việc bảo tồn nền tự chủ của đất nước khi ông so sánh vua Lý Thái Tổ, tức Lý Công Uẩn 李公蘊, vi vua khởi nghiệp nhà Lý, và trị vì từ 1010 tới 1028 với vua Lê Đại Hành nhà Tiền Lê tên là Lê Hoàn 黎桓 làm quan Thập Đạo Tướng Quân nhà Đinh. Nhân khi vua nhà Đinh còn nhỏ tuổi, và lại có quân nhà Tống sang xâm, quân sĩ tôn Lê Hoàn lên làm vua, tức Đại Hành Hoàng Đế 大行皇帝. Người đời sau ca tụng Lê Đại Hành có công phá Tống bình Chiêm, dẹp yên được loạn nước. Dưới mắt Lê Văn Hưu, Lý Công Uẩn không hơn Lê Hoàn vì công dựng nước nhưng vì Lý Công Uẩn có đức dày hơn Lê Hoàn lập ra triều nhà Lý lâu dài hơn, bởi khi đất nước lâm nguy, người lãnh đạo không những cần có tài mà còn cần có cả đức mới giữ được nước lâu dài.

Lê Văn Hưu cho là nhà Tiền Lê không tồn tại lâu dài vì Lê Hoàn đã không sớm chọn thái tử, khiến khi Lê Hoàn vừa băng hà thời đã xảy ra việc tranh giành ngôi vua giữa các hoàng tử kéo dài bảy tháng. Để cuối cùng người con út là Long Đĩnh 龍鋌 cướp ngôi của anh là vua Lê Trung Tông 黎中宗 mới lên ngôi được ba ngày. Long Đĩnh là một ông vua vô cùng bạo ngược, và theo Lê Văn Hưu thì chính Long Đĩnh là người làm đổ ngôi nhà Tiền Lê. Khác Lê Văn Hưu chỉ trích triều Lý không sớm chọn thái tử, nên khó

tránh được nạn nội loạn, bởi theo tục nhà Lý, tới khi lâm bệnh nặng, vua cha mới chọn người có tài năng đảm lược làm người kế vị. Nhà Trần lấy đó làm gương, nên vua cha sớm chọn thái tử, nhường ngôi cho thái tử và lên ngôi thái thượng hoàng.

Lê Văn Hưu chỉ trích vua Đinh Bộ Lĩnh phong cho năm bà vợ lên ngôi hoàng hậu. Sau đó, Lê Hoàn cũng như nhiều vua nhà Lý phong chức hoàng hậu cho nhiều bà vợ. Sự kiện này chứng tỏ nhà vua muốn củng cố sức mạnh của triều đình bằng cách liên kết với gia đình các hoàng hậu. Tuy nhiên cũng vì vậy mà cơ đồ triều chính bị đe dọa bởi nội loạn trong thời kỳ tuyển chọn người kế vị hay chính trong ngày truyền ngôi.

Lê Văn Hưu còn chỉ trích Lý Công Uẩn chỉ phong *vuơng* cho cha, trong khi vua Thái Tổ nhà Tống phong *đế* cho thân phụ. Sử gia còn hiểu là việc phong *vuơng* cho cha là do đức *vô kỷ* của Lý Công Uẩn. Đồng thời ông chỉ trích Lý Công Uẩn đã sao lãng truyền thống vun đắp tự chủ từ Triệu Đà truyền xuống.

Cũng vì chủ ý đề cao việc duy trì nền tự chủ của đất nước, nên Lê Văn Hưu kết tội mọi hành động của các vị vua chúa sao lãng việc đề cao nền tự chủ. Đó là trường hợp Ngô Xương Văn, con trai của Ngô Quyền. Lê Văn Hưu ngợi khen Ngô Xương Văn 吳昌文 về việc ông tha thứ cho Dương Tam Kha 楊三哥 cậu ruột ông về tội cướp ngôi vua của cháu, nhưng ông chỉ trích Ngô Xương Văn về việc mời Ngô Xương Ngập 吳昌岌 về cùng coi việc nước, khiến từ đó xảy ra việc Ngô Xương Ngập tranh quyền, thế lực nhà Ngô mỗi ngày một kém và đất nước lâm vào nạn mười hai xứ quân. Lê Văn Hưu chỉ trích vua Lý Thái Tông 李太宗 trong việc dẹp giặc Nùng, đã cương quyết xử tử Nùng Tôn Phúc 儂存福 nhưng đã vì lòng từ bi tha cho Nùng Trí Cao 儂智高 và còn gia phong cho y chức Thái Bảo, và chỉ một năm sau Trí Cao lại làm loạn, và xin phụ thuộc vào Trung Quốc. Lời chỉ trích của Lê Văn Hưu chứng tỏ mối lo ngại của ông nhân vụ tạo phản của Trí Cao mà mở đường cho Trung Quốc xâm lăng Nam Việt. Lê Văn Hưu cũng chỉ trích vụ vua Lý Anh Tông 李英宗 bình Chiêm Thành, lập một vua mới cho Chiêm Thành. Chỉ ít lâu sau, vị vua này bị một hoàng thân cướp ngôi. Vua Anh Tông phong *vuơng* cho hoàng thân phản loạn đó. Chính vị vua thứ hai này chỉ ít năm sau mang quân xâm phạm đất nước nhà Lý.

Ngoài mối quan tâm về nền tự chủ và hoà bình của đất nước, Lê Văn Hưu còn nặng lòng về việc tham gia triều chính của nho giả. Ông chỉ trích vua Lý Thái Tổ, sau khi di đô về Thăng Long đã không xây cất Thái Miếu cho xứng đáng, như vậy là không tròn chữ hiếu của đạo Nho. Ông còn chỉ trích việc

vua Lý Thái Tổ cho xây cất quá nhiều chùa chiền, làm hao tài sản quốc gia phí phạm công lực của nhân dân. Chắc chắn là Lê Văn Hưu phải biết là vua Lý Thái Tổ thừa trê đã được nhà sư Phật Giáo chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Vân 李慶文 nhận làm con nuôi, dậy dỗ thành người, nhưng phải chăng vì lợi ích quốc gia ông đã thẳng thắn chỉ trích lòng mộ đạo Phật của nhà vua.

Đằng khác, người đọc sử ghi nhận rằng ngay từ đầu nhà Trần đã có những kỳ thi kén người tài theo học đạo Nho ra giúp nước. Nhưng trên thực tế, số nho giả trong triều không nhiều, và không được giữ những địa vị then chốt. Cho tới khi quân nhà Nguyên xâm lấn đất Đại Việt, vì nhu cầu ngoại giao, địa vị nho gia trong triều nhà Trần mới được nâng cao và dần dần tăng tiến thành một lực lượng chống đối ảnh hưởng Phật Giáo ở trong triều. Yu Insun cho rằng việc Lê Văn Hưu chỉ trích vua Lý Thái Tổ trên đây chỉ là một đường lối khéo léo của sử gia để gián tiếp chỉ trích phe thân Phật Giáo trong đời Trần.

NGÔ SĨ LIÊN 吳士連

Ngô Sĩ Liên người trấn Sơn Nam 山南, có người nói ông từng theo phò Lê Lợi 黎利 trong cuộc khởi nghĩa chống quân nhà Minh. Ngô Sĩ Liên đậu tiến sĩ năm 1442, dưới triều vua Lê Thánh Tông. Ông giữ chức Đô Ngự Sử dưới triều vua Lê Nhân Tông. Dưới triều vua Lê Thánh Tông, ông làm Quốc Tử Giám Ty Nghiệp, và tham dự vào việc soạn thảo bộ quốc sử. Năm sinh năm mất của ông không được sách sử ghi chép rõ, nhưng nhiều người tin rằng ông mất năm 99 tuổi. Với tuổi thọ đó, cuộc đời Ngô Sĩ Liên trải dài qua nhiều thăng trầm của lịch sử: cuộc suy thoái của nhà Trần và nhà Hồ; tiếp theo là hai mươi năm đô hộ dưới triều nhà Minh với chính sách tàn khốc tiêu diệt văn hóa Việt Nam; nhưng quan trọng hơn cả là cuộc chiến đấu giành tự chủ cho đất nước của Lê Lợi. Từ khi Lê Lợi dựng nên nhà Lê, ảnh hưởng Khổng Giáo trong triều lớn mạnh cùng số quan gia nho học người vùng châu thổ sông Nhị và thắng thế ảnh hưởng Phật Giáo của nhóm Phật Tử được trọng dụng người vùng Thanh Hóa trong việc triều chính, và ảnh hưởng Khổng giáo trở thành độc tôn dưới triều vua Lê Thánh Tông. Trong sinh hoạt tinh thần đó Ngô Sĩ Liên đã trước tác bộ sử Toàn Thư.

Nhiều sử gia ngày nay tự hỏi lý do nào đã khiến Ngô Sĩ Liên trước tác bộ sử Toàn Thư, trong khi ông đã từng là một thành viên trong công cuộc sưu tập bộ quốc sử tàng trữ tại viện Đông Các? Có thể trả lời là việc soạn thảo bộ quốc sử là một công cuộc gồm nhiều nho giả, thế nên người tham dự khó bề bày

tỏ nhưng điều phê phán bình luận. Bởi vậy, theo sử gia Wolter², Ngô Sĩ Liên đã đơn độc trước tác bộ sử Toàn Thư với chủ đích là đề cao Khổng Giáo như một cơ động giúp cho người nước Đại Việt có một học thuyết căn bản để duy trì nền tự chủ trong thời gian đất nước gặp cơn nguy biến và theo Yu Insun, thì hành động này giúp Ngô Sĩ Liên đứng được ra ngoài vụ tranh chấp ảnh hưởng giữa Nho Giả vùng châu thổ sông Nhị với Phật Tử được trọng dụng vùng Thanh Hóa. Trong toàn bộ Toàn Thư, Ngô Sĩ Liên viết ra tổng cộng 170 lời bàn, trong số đó có 86 lời bàn về sự kiện xảy ra dưới triều nhà Lý; 72 lời bàn về sự kiện xảy ra dưới đời nhà Trần và nhà Hồ cùng hai chục năm tranh đấu chiến thắng quân xâm lược nhà Minh, phần còn lại là lời bàn về sự kiện dưới triều vua Lê Thái Tổ.

Khổng Học, nhất là Tân Khổng Học ảnh hưởng mãnh liệt trên việc trước tác của Ngô Sĩ Liên, lời bàn của ông đều đặt trên đạo lý gia tộc và tương quan giữa vua và dân. Ông tin tưởng chắc chắn rằng đó là hai điểm quan trọng trong việc trị nước an dân. Năm 1320, khi vua Trần Anh Tông (tri vì từ 1293-1314) băng hà, ông trích sách Mạnh Tử³:

天下之本在國

Thiên hạ chi bản tại quốc

國之本在家

quốc chi bản tại gia

家之本在身

gia chi bản tại thân

Nghĩa là: gốc của thiên hạ là nhà nước, gốc của nước là nhà, gốc của nhà là thân. Rồi Ngô Sĩ Liên thêm: “thân có tu, nhà mới tề, nước mới trị, điều ấy là khuôn vàng thước ngọc từ đời Nghiêu Thuấn, và đến ngày nay vẫn thật đúng như vậy.” Do đó ông chỉ trích bất kỳ ai vi phạm nguyên tắc này.

Ngô Sĩ Liên hết lời ca tụng vua Trần Anh Tông, vì nhà vua dốc lòng tu thân, thờ phụng cha mẹ, giữ vẹn niềm hòa hảo với họ hàng, và nhất là thờ kính tổ tiên. Thế nên, theo Ngô Sĩ Liên, triều vua Trần Anh Tông là một triều thịnh trị, nhân dân sống đời an lạc. Tuy nhiên, ông vẫn còn chỉ trích vua Trần Anh Tông hãy còn một điều thiếu sót trong lễ quốc táng Thượng Hoàng Trần Nhân Tông.

Ngô Sĩ Liên cực lực chỉ trích việc làm loạn luân nhân để củng cố cho ngôi nhà Trần được bền vững. Đó là sự việc Thái Sư Thống Quốc Hành Quân

2. Wolter, “*What Else May Ngô Sĩ Liên Mean*” in “*Sojourners and Settlers: Histories of Southeast Asia and the Chinese*”, University of Hawai Press 2001. Edited by Reid Anthony.

3. Đoàn Trung Còn, *Tứ Thư Mạnh Tử*, NXB Thuận Hóa, Huế, 1996, tr.12

Chinh Thảo Sứ Trần Thủ Độ cưỡng ép vua Trần Thái Tông, giáng Chiêu Thánh Hoàng Hậu, người đã lấy vua Trần Thái Tông được 12 năm, xuống làm công chúa, rồi đem chị bà Chiêu Thánh, tức vợ Trần Liễu lên làm Hoàng Hậu, bởi vì Hoàng Hậu Chiêu Thánh không có con nối dõi và bà chị đã có thai được ba tháng. Việc phi luân này đã được lập lại dưới Triều vua Trần Dụ Tông (trị vì từ 1341 tới 1369). Ngoài ra, Ngô Sĩ Liên còn trách vua Trần Thái Tông đã hứa gả công chúa cho Trung Thành Vương, rồi cuối cùng lại gả cho một hoàng thân khác.

Ngô Sĩ Liên tin tưởng là ngôi vua sẽ truyền cho người con trưởng của vua cha. Nếu Hoàng Hậu không có con nối dõi, con một thứ phi có thể được phong làm Thái Tử. Trong trường hợp Hoàng Hậu sau đó sinh Hoàng Nam, Thái Tử con bà thứ phi phải từ chức nhường ngôi cho Hoàng Nam con bà Hoàng Hậu. Thế nên Ngô Sĩ Liên thương tiếc Hoàng Thân Trần Quốc Chấn bị sát hại dưới triều vua Trần Minh Tông (trị vì từ 1314 tới 1329) chỉ vì hoàng thân đã can ngăn việc lập một Hoàng Nam con một bà thứ phi lên làm Thái Tử, không đợi Hoàng Hậu sinh Hoàng Nam. Ngô Sĩ Liên cũng tin tưởng là Hoàng Nam em có thể được nối ngôi vua khi Hoàng Nam anh không đủ khả năng nối ngôi. Thế nên Ngô Sĩ Liên chỉ trích vua Đinh Bộ Lĩnh lập con bà thứ phi là Hạng Lang làm thái tử thay vì truyền ngôi cho con trưởng con bà Hoàng Hậu là Hạng Liễn vốn là người văn võ toàn tài.

Trong trường hợp Hoàng Đế không có Hoàng Nam nối ngôi, thời phải lập một người cháu trai, như trường hợp vua Lý Nhân Tông nhường ngôi cho cháu. Ông cực lực chống lại việc nhường ngôi cho một công chúa như việc vua Lý Huệ Tông nhường ngôi cho Công Chúa Lý Chiêu Hoàng. Theo Ngô Sĩ Liên thì vua Lý Huệ Tông đã không noi gương vua Lý Nhân Tông nên đã mở cửa cho Trần Thủ Độ lật đổ ngôi nhà Lý và lập ra nhà Trần.

Nhà Trần cũng theo gương nhà Lý không nhất thiết truyền ngôi vua cho Hoàng Nam con cả của vua. Để tránh việc tranh giành ngôi vua, nhà Trần đặt ra tục lập ngôi Thái Thượng Hoàng. Dấu thấu hiệu tục lệ nhà Trần như vậy, Ngô Sĩ Liên cũng bàn là không nên lập vua mới khi vua cha hãy còn sống, để một nước một lúc có hai vua.

Ngô Sĩ Liên chủ trương đàn bà góa không được tái giá để giữ tiết với chồng cũ, theo đúng lệ *tam tông* của Nho Giáo. Tục này phải được bắt đầu từ trong hoàng tộc, để làm gương cho tứ dân. Chủ trương đó nhằm tránh những vụ thoán ngôi vua như vụ Lê Hoàn lấy bà Dương Hậu lập ra nhà Tiền Lê, vụ Trần Thủ Độ lấy vương Hậu Linh Từ lập ra nhà Trần. Đi xa hơn, Ngô Sĩ Liên ca ngợi

việc các vương hậu nước Chàm phải chịu thiêu sống để giữ vẹn đức tam tông. Người đọc sử tự hỏi rằng, vốn là một nho giả chân chính, phải chăng Ngô Sĩ Liên nhiệt liệt cổ động cho việc gả hóa phải chết theo chồng là để duy trì chữ Trung của đạo nho theo câu tục *trao trung một chúa, gả trinh một chồng*. Cũng trong dòng tư duy này, sử còn chép truyện năm 1285, khi quân nhà Trần phá quân Nguyên, chủ tướng quân Trung Quốc là Toa Đô bị trúng tên chết. Khi các tướng thắng trận đưa đầu Toa Đô về nộp vua Trần Nhân Tông, vua thấy người dũng kiệt hết lòng với chúa mới than rằng: “*Làm bấy tôi nên như người này!*” rồi cởi áo bào đắp vào thủ cấp Toa Đô, sai làm lễ mai táng theo quân cách.

Với chủ trương *trao trung một chúa*, Ngô Sĩ Liên cực lực bài bác những mưu đồ thoán nghịch của Lê Hoan, Trần Thủ Độ và nhất là Hồ Quý Ly, cả ba cùng là những tặc thần lập mưu giết vua để cướp ngôi vua. Theo Ngô Sĩ Liên, Lê Hoan đáng tội chết chém, Trần Thủ Độ không đáng so sánh với loài chó lợn và Hồ Quý Ly bị trời phạt khiến giặc Nam không giết nổi thời giặc Bắc không tha.

Theo Yu Insun thời Ngô Sĩ Liên nặng lời chỉ trích Lê Hoàn, Trần Thủ Độ và Hồ Quý Ly thí vua cướp ngôi báu, không chỉ riêng bởi Ngô Sĩ Liên là một tân nho giả mà còn phản ánh nội tình triều nhà Lê, ngày đó, khi vua Lê Nhân Tông bị người anh là Nghi Dân 宜民, trước kia đã được phong làm Thái Tử, sau vì mẹ phải tội cho nên bị phế bỏ. Năm 1459 Nghi Dân đồng mưu với Lê Đắc Ninh 黎得寧, Phạm Ban 范般 v.v... nửa đêm trèo vào thành giết vua Lê Nhân Tông và hoàng thái hậu, tự xưng làm vua rồi sai sứ sang Trung Quốc cầu phong.

Mối quan tâm của Ngô Sĩ Liên là sự an nguy của đất nước trước sự đe dọa của kẻ thù phương Bắc, dẫn rằng nhà Minh sau khi bị đuổi ra khỏi bờ cõi không còn là một mối đe dọa nặng nề như quân nhà Nguyên dưới đời Trần. Thế nên, theo Yu Insun, từ khi vua Lê Lợi chiến thắng quân Minh sau hai mươi năm đô hộ, mối lo chính của Ngô Sĩ Liên là sự bất ổn của tình hình quốc nội khơi ngòi cho việc xâm lăng của ngoại bang. Đó là lý do khiến Ngô Sĩ Liên đặt bản văn Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi vào trong bộ sử Toàn Thư. Bản Bình Ngô Đại Cáo xác quyết Đại Việt là một nước có văn hiến riêng, bờ cõi phân chia rõ ràng, phong tục khác hẳn Trung Quốc. Khác với Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên khẳng định là nước Đại Việt có một lịch sử dài không thua lịch sử Trung Quốc, bắt đầu từ vua Thần Nông. Theo tục truyền Kinh Dương Vương, vị vua đầu tiên của đất Nam Việt là anh khác mẹ của Đế Nghi, vị vua đầu tiên của người phương Bắc. Thật thế, Đế Minh, cha của Đế Nghi và Kinh Dương Vương là cháu ba đời vua Thần Nông, có ý lập Kinh Dương Vương lên nối

ngôi, nhưng Kinh Dương Vương từ chối nhường ngôi cho Đế Nghi làm vua phương Bắc, còn mình làm vua phương Nam.

Ngô Sĩ Liên lo lắng cho mối an nguy nước Đại Việt phản ánh trong lời bàn của ông về những vụ xâm lăng của quân Mông Cổ từ phương Bắc, qua những vụ xâm phạm bờ cõi miền Nam của quân Chiêm. Ngô Sĩ Liên ca tụng thượng hoàng Trần Nhân Tông, không những có tài điều binh khiển tướng đánh đuổi được quân Nguyên, mà còn triệu tập Hội Nghị Diên Hồng, đoàn kết toàn dân thành một khối quyết tâm bảo vệ đất nước. Ngược lại ông chê trách triều nhà Trần bỏ ngỏ biên giới miền Nam mở đường cho quân Chiêm Thành sang quấy phá Đại Việt. Ông chê trách Thượng Hoàn Dụ Tông quen sống trong cảnh đất nước thịnh vượng bình an mà trở thành quá phóng túng, chỉ nghĩ tới chuyện mua vui. Ông cũng chê trách vua Trần Nghệ Tông quá mê mải với văn học mà sao lãng việc binh đến độ để quân Chiêm Thành vào cướp phá thành Thăng Long vào mùa thu năm 1371.

Nhân danh một nhà Tân Nho, Ngô Sĩ Liên bài bác ảnh hưởng Phật Giáo trong hai triều nhà Lý và nhà Trần. Ông quan niệm việc vua Lý Thái Tổ khi vừa đăng quang liền cho xây chùa tô tượng Phật khắp nơi trong nước là một điều quá đáng, dầu ông không quên là vua Lý Thái Tổ là con nuôi của nhà sư Lý Khánh Vân, và nhờ vậy mà thành nhân. Ngô Sĩ Liên ca tụng vua Trần Nhân Tông là một vị minh quân từng chiến thắng quân Nguyên xâm phạm đất Đại Việt, nhưng ông coi việc vua Trần Nhân Tông, sau khi thoái vị làm Thái Thượng Hoàng, trở thành đệ nhất tổ giòng Thiền Trúc Lâm, là một hành động chứng tỏ vua Trần Nhân Tông không giữ vẹn chữ Trung Dung của đạo Nho.

Hơn nữa, vẫn nhân danh là một nho sĩ, Ngô Sĩ Liên còn phê bình việc thay đổi niên hiệu của vua Lý Thái Tổ năm 1034. Năm ấy hai nhà sư Nghiêm Bảo Tính và Phạm Minh Tâm tự thiêu, thi thể cháy kết thành thất bảo. Vua xuống chiếu đem thất bảo đó giữ ở chùa Trường Thánh để thờ, nhân dịp đó vua đổi niên hiệu là Thụy Thông; sử thần Ngô Sĩ Liên có lời bàn ⁴:

Thuyết nhà Phật gọi là xá lợi tức là khi tự thiêu mình, tinh khí tụ lại kết thành một thứ lửa không cháy được, cho nên gọi là bảo. Tương truyền là người nào học Phật thành thì xác hồn làm bảo như thế. Vì rằng người sãi đoạn tuyệt tính dục thì tinh khí kết thành ra thứ ấy. Người đời cho là không thường, thấy mà cho là lạ, có biết đâu là tinh khí dương tụ lại mà thành thôi. Vua cũng mê hoặc mà đổi niên hiệu. Từ đấy về sau

4. Ngô Sĩ Liên, *Toàn Thư*, Tập 1, bản dịch của Cao Huy Giu, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1967, tr. 210

những người hiếu danh, cạo đầu làm sãi, nhẫn nại chịu chết như loại Trí Không này nhiều lắm.

Xuống tới đời Hoàng đế Lý Nhân Tông, năm 1096, thái sư Lê Văn Thịnh làm phản, Vua Lý Nhân Tông tha tội chết, an trí tại Thao Giang. Nguyên bấy giờ vua ngự thuyền xem đánh cá tại hồ Dâm Đàm. Chợt có mây mù, trong đám mù có tiếng thuyền bơi tới, vua lấy giáo ném. Bỗng chốc mây mù tan, trong thuyền ngự có con hổ. Có người than: Nguy lắm rồi! Có người đánh cá tên Mục Thận quăng lưới trùm lên con hổ, thì hổ biến ra thành thái sư Lê Văn Thịnh. Lê Văn Thịnh vốn có tà pháp làm ra vậy để tính truyên cướp ngôi. Vua thưởng cho Mục Thuận, và cắt đất cho lập ấp. Ngô Sĩ Liên có lời bàn về truyện này ⁵:

Người làm tội định cướp ngôi giết vua mà được miễn tội chết! Thế là sai trong việc hình, lỗi ở vua tin Phật Giáo.

Mùa thu tháng 7 ngày 25, Ý Lan hoàng thái hậu băng hà, hỏa táng; dâng thụy là Phù Thánh Linh Nhân Hoàng Thái Hậu, lại bắt người thị nữ chôn theo. Ngô Sĩ Liên có lời bàn về việc này ⁶:

Hoả táng là theo Phật Giáo, chôn theo là tục nhà Tần. Nhân Tông Hoàng Đế làm cả hai việc ấy, hoặc giả theo lời của Thái Hậu chăng?

Theo Yu Insun, lời bàn của Ngô Sĩ Liên, đặt câu hỏi về lời di chú của Ý Lan hoàng thái hậu, là bởi Ngô Sĩ Liên có ý bài bác vua Lý Nhân Tông vì chính nhà vua, theo tục lệ Phật Giáo, ban lệnh thi hành việc hỏa táng và việc chôn theo thị nữ của hoàng thái hậu.

So Sánh hai Sử Gia

Yu Insun cho rằng quan điểm sử học của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên là sản phẩm của thời đại của mỗi người. Với Lê Văn Hưu, sử kiện đáng chú ý nhất là những thành tích kháng Nguyên giữ nước của triều nhà Trần. Với Ngô Sĩ Liên, một sử thần của triều nhà Lê, Khổng Học lúc đó đã trở thành một nền quốc học, thế nên giáo lý cũng như tập tục Khổng Giáo là những mối quan tâm hàng đầu. Khác khác, Ngô Sĩ Liên đã từng sống qua hai chục năm dưới sự đô hộ của quân Minh, nên ông hiểu rõ tầm quan trọng của nền an ninh quốc nội trong việc ngăn chặn người phương Bắc xâm lấn đất nước và duy trì nền tự chủ của nước Đại Việt.

Khác biệt giữa quan điểm sử học của hai sử thần thấy rõ qua sự khác biệt giữa những lời bàn trên cùng một sử kiện. Lời bàn của Lê Văn Hưu chú trọng

5. Ngô Sĩ Liên, ibid. tr. 242.

6. Ngô Sĩ Liên, ibid. tr. 248.

tới nền an nguy của đất nước và sự bình đẳng giữa nước Nam với nước Bắc. Ngô Sĩ Liên chỉ bàn về hai vấn đề này trong bốn sự kiện. Đáng khác, Ngô Sĩ Liên dành 11 lời bàn về giáo lý Khổng Học, Lê Văn Hưu chỉ nói tới vấn đề liên quan tới Khổng Học trong 5 lời bàn. Sự khác biệt giữa hai sử thần còn rõ rệt hơn nữa qua những lời bàn cùng về những sự kiện dưới triều vua Ngô Quyền và vua Đinh Bộ Lĩnh.

Lê Văn Hưu tin chắc rằng Ngô Quyền không hoàn toàn tạo dựng được nền tự chủ cho đất nước như Triệu Đà đã đặt được trước khi quân của Hán Vũ Đế sang xâm lấn, bởi chiến thắng của Ngô Quyền đã khiến nhà Hán phải bỏ mộng xâm lược, nhưng ông tiếc cho Ngô Quyền không nhân dịp đó xưng đế như Triệu Đà. Ngược lại Lê Văn Hưu ca tụng Ngô Quyền ngoài tài thống lĩnh quân đội còn giỏi tổ chức việc nội trị, tạo nên nề nếp cho đời sống nhân dân. Ông kết luận rằng với một công nghiệp như vậy, Ngô Quyền xứng đáng là một Hoàng Đế của nước Nam Việt. Lê Văn Hưu chủ xướng là Đinh Bộ Lĩnh đã giành được nền tự chủ hoàn toàn cho đất nước, không kém gì Triệu Đà đời trước. Đinh Bộ Lĩnh đã tự xưng hoàng đế, đặt quốc hiệu mới, sửa sang giềng mối triều chính. Ngược lại, Ngô Sĩ Liên coi nhẹ công nghiệp của Đinh Tiên Hoàng, vì ông chủ trương là Ngô Quyền đã giành được hoàn toàn nền tự chủ cho Nam Việt. Ngược lại ông chỉ trích Đinh Bộ Lĩnh và con cả là hoàng tử Đinh Liễn là không hành xử theo đúng tập tục Khổng Học. Đinh Bộ Lĩnh đã vượt qua truyền thống truyền ngôi của các triều đại Trung Quốc đặt trên nền tảng Khổng Học: nhà vua đã bỏ con trưởng Đinh Liễn và lập con út là Hạng Lang lên nối ngôi. Đinh Liễn đã từng theo cha chinh chiến nhiều năm trong việc dẹp loạn 12 xứ quân, nên tức giận lập mưu giết Hạng Lang, nên cũng không giữ tròn đạo làm tôi theo Khổng Học, đồng thời gây ra mối loạn trong nhà để người phương Bắc có cơ hội nhòm ngó bờ cõi. Người đọc sử có thể hiểu rằng lời Ngô Sĩ Liên chỉ trích cha con Đinh Bộ Lĩnh phản ánh ý ông muốn ám chỉ trích việc tranh giành ngôi báu trong triều nhà Lê lúc bấy giờ.

Ảnh hưởng Khổng Giáo từ triều nhà Lê không những chỉ mỗi ngày một lớn mạnh trong việc triều chính mà còn thâm nhập từ từ vào trong mọi hoạt động trong dân gian, truyền qua đời nhà Nguyễn, cho tới khi người Pháp bỏ thi Hương hồi đầu thế kỷ XX mới suy giảm. Nhiều nhà sử học ngày nay cho rằng điểm triều đình các nhà Đinh, Lê, Lý và Trần tôn trọng Phật Giáo hơn Khổng Giáo là một truyền thống của người Việt Nam khác với truyền thống của người Trung Quốc lấy Khổng Giáo làm quốc giáo. Chính nhờ điểm khác biệt đó mà dân Việt Nam đã không bị Trung Quốc đồng hóa. ☐

Độc truyện họ Hồng Bàng

Phạm Hữu Trác & Lê Phụng

I

Vào Đề

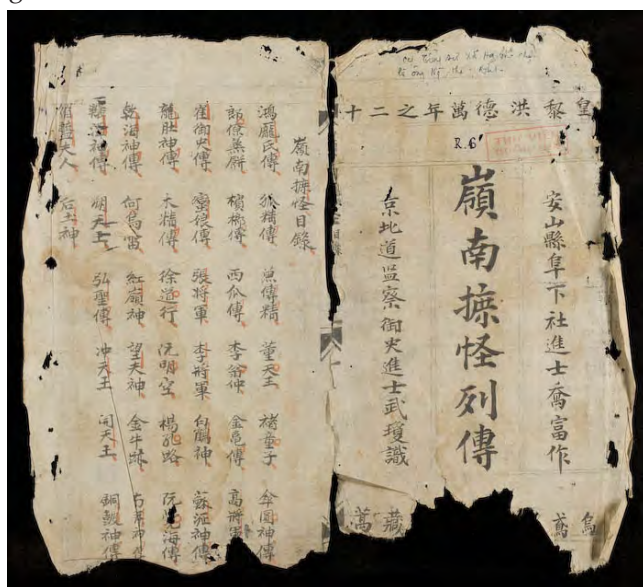
Sắc dân nào cũng có những truyện thần thoại riêng cho sắc dân ấy. Truyện thần thoại là chiếc thuyền thoi đưa con người trực chỉ về quá khứ. Đọc thần thoại là để tìm thấy căn tính và truyền thống của nòi giống. Truyện thần thoại thường thường là những truyện nếu không xảy ra từ thửa khai thiên lập địa, thời cũng từ thửa hồng hoang, con người còn sống giữa thiên nhiên, không cần phải là nhà thơ cũng có dịp thấy tiên nga tắm bên cồn, cũng nghe thấy tiếng sáo trời hòa cùng sáo đất, thấy quý sống cùng thần, tóm lại thấy hoang tưởng xen lẫn với thực tại.

Truyện thần thoại còn là gốc gác của văn học. Truyện thần thoại Hy Lạp Iliade, là một tập truyện thơ của Homère, sáng tác từ mười thế kỷ trước công nguyên, chính là một nguồn gốc văn học chung của người Âu Mỹ. Người Việt Nam có hai tập thần thoại, một là tập Việt Điện U Linh do Lý Tế Xuyên biên soạn hồi đầu thế kỷ XIV, hai là tập Lĩnh Nam Chích Quái do Vũ Quỳnh và Kiều Phú sưu tầm và biên soạn trong thế kỷ XV. Như đầu đề đã nói rõ, Việt Điện U Linh là một công trình biên soạn, viết lại những truyện vốn lưu hành trong dân gian về các vị thần linh ở nước Việt Nam. Lĩnh Nam Chích Quái là một tập sách chép lại những truyện cổ tích, truyện truyền kỳ có từ thửa dựng nước của người Lạc Việt. Theo thuyết của Lê Quý Đôn, viết trong Kiến Văn Tiểu Lục, thì sách Lĩnh Nam Chích Quái là do Trần Thế Pháp biên soạn vào cuối đời nhà Trần. Tiến sĩ Vũ Quỳnh cho biết ông đã tìm được sách này và nhuận chính vào năm Hồng Đức thứ 23 (1492). Về sau có nhiều bản nhuận sắc

thêm của nhiều thức giả khác, thế nên hiện nay có tới 9 bản ít nhiều khác nhau.

Đọc Việt Điện U Linh và Lĩnh Nam Chích Quái, tìm ra ý nghĩa của sự kiện ghi trong truyện giúp chúng ta nhìn thấy ý nghĩa của nếp sống truyền thống của giống nòi, nhận ra màu sắc căn tính của dân tộc, biết được bởi sao chúng ta là chúng ta. Đó là chủ ý của bài viết này.

Trong những trang kế tiếp, người viết xin cùng độc giả Truyền Thông đọc Truyện Hồng Bàng Thị, truyện đầu tiên trong tập Lĩnh Nam Chích Quái. Những trang này không phải là một công trình nghiên cứu khoa học mà chỉ muốn cùng độc giả thử tìm một cách đọc thần thoại, khác với cách đọc tiểu thuyết hay đọc sử ký. Chúng ta không chủ tâm đi tìm những điều đúng sai của những sự kiện kể lại trong sách, bởi chúng ta biết rằng thần thoại là những sách chép lại những truyện truyền miệng, qua không biết bao nhiêu đời, nên theo lời người xưa *cái đúng có cái vô cùng của cái đúng, cái sai có cái vô cùng của cái sai*. Chúng ta chỉ đi tìm ý nghĩa của mỗi sự kiện, bằng cách đối chiếu với thần thoại các sắc dân khác, bởi giữa thần thoại của mọi sắc dân thường có dự trùng chập những truyện cổ tích, truyện truyền kỳ. Thường thường những ý nghĩa của những sự kiện cho chúng ta thấu hiểu được căn tính của chúng ta, thấy rõ hơn màu sắc của truyền thống của nòi giống, những điều cho chúng ta thấy chúng ta khác những sắc dân khác, những điều khiến chúng ta hãnh diện là chúng ta.



Trang Bìa Sách Lĩnh Nam Chích Quái
(Nguồn Wikipédia)

Bắt đầu là nguyên văn Truyện Hồng Bàng Thị theo sách Lĩnh Nam Chích Quái.

II

Họ Hồng Bàng¹

Đế Minh cháu ba đời họ Viêm Đế Thần Nông sinh ra Đế Nghi, sau nhân đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục. Tục dung mạo đoan chính, thông minh phúc hậu, Đế Minh rất lấy làm lạ, muốn cho nối ngôi mình. Lộc Tục cố từ, xin nhường cho anh. Đế Minh liền lập Nghi làm kẻ nối ngôi. Lại phong Lộc Tục là Kinh Dương Vương để trị đất Nam, lấy hiệu nước là Xích Quỷ.

Kinh Dương Vương có tài đi dưới Thủy Phủ, lấy con gái Long Vương ở hồ Động Đình, sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân, cho nối ngôi trị nước. Kinh Dương Vương không biết đi đâu mất. Lạc Long Quân dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng quân, thân, tôn, ti, các đạo cha con, vợ chồng, đôi khi trở về Thủy Phủ mà trăm họ vẫn yên vui vô sự, không biết do đâu được thế. Hễ dân có việc lớn tiếng gọi Long Quân rằng: “Bố ơi! sao không lại cứu chúng tôi”. Long Quân tới ngay, sự linh hiển của Long Quân, người đời không ai lường nổi.

Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai, cai trị Bắc phương. Nhân khi thiên hạ vô sự bèn sai quân thân là bọn Xuy Vưu thay mình trông coi quốc sự rồi đi tuần xuống nước Xích Quỷ ở phía Nam. Khi đó, Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước không có chúa. Đế Lai bèn đến ái nữ là Âu Cơ và các thị tỳ ở lại nơi hành tại rồi đi chu du thiên hạ, ngắm các nơi danh lam thắng cảnh. Thấy hoa kỳ cỏ lạ, trăn câm dị thú, ngọc ngà vàng bạc... các thứ đá quý, các cây trâm, đàn cùng các sơn hào hải vật không thiếu thứ gì, khí hậu bốn mùa không lạnh không nóng, Đế Lai rất ái mộ, vui quên trở về.

Dân phương Nam khổ vì bị người Bắc phương quấy nhiễu, không được yên sống như xưa mới cùng gọi Long Quân rằng: “Bố ơi ở đâu mà để cho dân Bắc xâm nhiễu phương dân”. Long Quân đột nhiên trở về, thấy Âu Cơ có dung mạo đẹp dễ kỳ lạ, trong lòng vui mừng, bèn hóa thành một trang thiếu niên phong tư tú lệ, tả hữu kẻ hầu người hạ đông đúc, vừa đi vừa ca hát đánh trống.

1. Vũ Quỳnh -K ầu Phú, Lĩnh Nam Chích Quái, NXB Văn Học, Hà Nội 1990, tr.29-37.

Cung điện tự nhiên dựng lên.

Âu Cơ vui lòng theo Long Quân. Long Quân giấu Âu Cơ ở Long Đài. Nham Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ, sai quân thân đi tìm khắp thiên hạ. Long Quân có phép thần thông biến hóa thành trăm hình vạn trạng yêu tinh, quỷ sứ, rồng, rắn, hổ, voi... làm cho bọn đi tìm đều sợ hãi không dám sục sạo, Đế Lai bèn phải trở về.

Đến đời Du Vông, thì Xuy Vưu làm loạn. Vua nước Hữu Hùng là Hiên Viên đem chư hầu tới đánh nhưng không được. Xuy Vưu mình thú mà nói tiếng người, có sức khỏe dũng mãnh. Có người dạy Hiên Viên dùng trống da thú làm lệnh, Xuy Vưu sợ hãi chạy về đất Trác Lộc. Đế Du Vông xâm lăng chư hầu, cùng Hiên Viên giao binh ở Phấn Tuyên đánh ba trận đều bị thua, bị giáng phong ở đất lạc ấp rồi chết ở đó. Dòng họ Thần Nông tới đây thì hết.

Long Quân lấy Âu Cơ rồi đẻ ra một bọc, cho là điềm bất thường, vớt ra cánh đồng; qua sáu bảy ngày, bọc vỡ ra một trăm quả trứng, mỗi trứng nở ra một con trai, mới đem về nhà nuôi. Không phải bú mớm, các con tự lớn lên, trông đẹp đẽ kỳ dị, người nào cũng trí dũng song toàn, người người đều kính trọng cho là triệu phi thường.

Long Quân ở lâu dưới Thủy Quốc vợ con thường muốn về đất Bắc. Về tới biên giới, hoàng đế nghe nói rất sợ hãi cho binh ra giữ cửa ải,

Mẹ con Âu Cơ không thể về được bèn quay về nước Nam mà gọi Long Quân rằng: “Bố ở nơi nào mà để mẹ con tôi cô độc, ngày đêm buồn khổ thế này”. Long Quân bỗng trở về, gặp nhau ở đất Tương. Âu Cơ nói: “Thiếp vốn là người nước Bắc, ở với vua, sinh hạ được trăm con trai, vua bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi con, làm người vô phu vô phụ, chỉ biết thương mình”. Long Quân nói: “Ta là nòi rồng, đứng đầu thủy tộc, nàng là giống tiên, sống ở trên đất, tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc, dòng giống bất đồng, khó ở lâu với nhau được, nay phải chia lã. Ta đem năm mươi con về Thủy Phủ chia trị các xứ, năm mươi con theo nàng về ở trên đất, chia nước mà trị. Lên núi, xuống bể, hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên”. Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi.

Âu Cơ và năm mươi con lên ở đất Phong Châu suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, đông giáp Nam Hải, tây tới Ba Thục, bắc tới Động Đình hồ, nam tới nước Hồ Tôn (nay là Chiêm Thành). Chia nước làm 15 bộ (còn gọi là quận) là Việt Thường, Giao Chỉ, Chu Diên, Vũ Ninh, Phúc Lộc, Ninh Hải, Dương Tuyền, Lục Hải, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Chân Định, Văn Lang, Quế Lâm,

Tượng Quận. Chia các em ra cai trị, lại đặt các em làm tướng văn tướng võ, văn là lạc hầu, võ là lạc tướng. Con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là my nương, trăm quan gọi là bộ chính, thân bộc, nữ lệ gọi là xảo xứng (còn gọi là nô tỳ). Bể tôi gọi là hồ, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Vua đời đời thế tập gọi là Hùng Vương, không hề thay đổi.

Lúc ấy, dân sống ở ven rừng, xuống nước đánh cá thường bị giống giao long làm hại, bèn nói với vua. Đáp: “Giống sơn man và giống thủy tộc có thù với nhau, thường ghét nhau cho nên hại nhau đó”. Khiến người đời lấy mực xăm vào mình theo hình Long Quân, theo dạng thủy quái. Từ đó, dân không bị tai họa giao long làm hại nữa. Tục xăm mình của dân Bách Việt cũng bắt đầu từ đây.

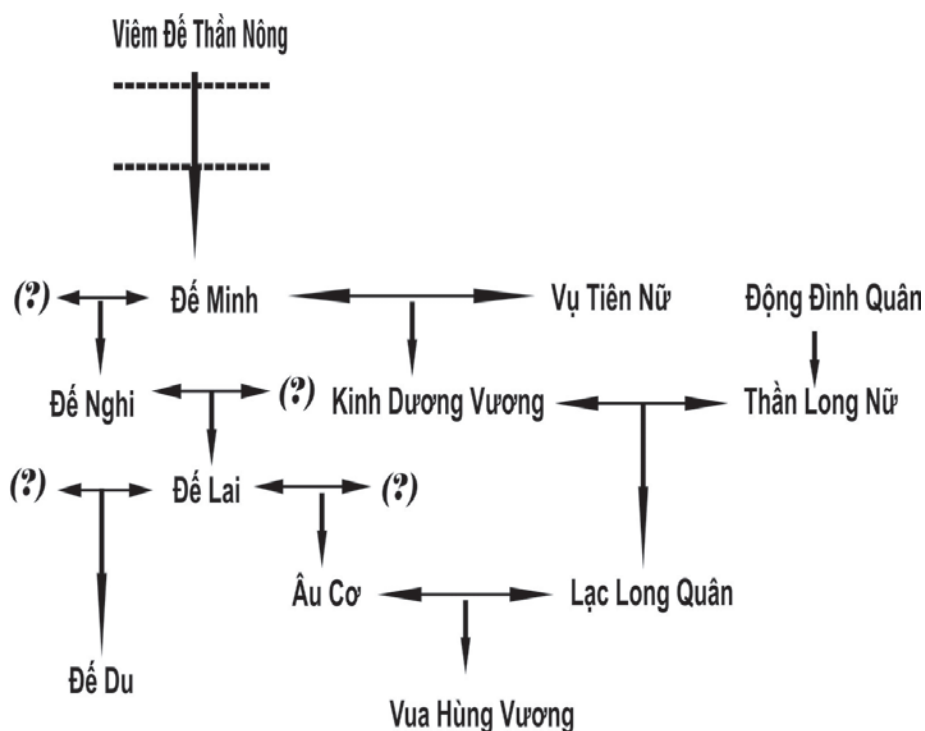
Hồi quốc sơ, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ gianh làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm com (có chỗ viết là uồng), lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, cây bằng dao, trống bằng lửa. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà thổi com. Bức gỗ làm nhà để tránh hổ sói. Cắt tóc ngắn để đi lại trong rừng rú. Để con ra lấy lá chuối lót cho nằm, có người chết thì già cô làm lệnh, người lân cận nghe tiếng đến cứu. Chưa có trâu cau, việc hôn thú giữa nam nữ lấy gói đất làm dâu, sau đó mới giết trâu dê làm đồ lễ, lấy com nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân. Đó trăm người con trai chính là tổ tiên của người Bách Việt vậy.

Ngày nay, tiêu điều trong dòng thời gian, người viết xin mời người đọc, căn cứ vào những sự kiện chép trong truyện, chúng ta lần lượt:

1. thiết lập một hệ phả của Họ Hồng Bàng, đối chiếu với thần thoại của một vài dòng văn minh khác;
2. tìm trong sách cổ một vài chi tiết về những nhân vật quan trọng trên hệ phả, chú ý đặc biệt tới Viêm Đế Thần Nông và Lạc Long Quân, là vị sơ tổ của 18 vua Hùng.
3. tìm ra tương quan giữa truyện Hồng Bàng Thị và việc ghi chép sử sách của các sử quan đời xưa cho tới các sử gia ngoại quốc ngày nay và tìm ra được mối tương quan giữa thần thoại Hồng Bàng với truyền thống dựng nước cứu nước trước nạn ngoại xâm của người Việt Nam.
4. tương quan giữa thần thoại Hồng Bàng với truyền thống xã hội của người Việt Nam hiện thời.
5. Tương quan giữa Vua và dân nước Văn Lang.

1. Hệ Phả Họ Hồng Bàng

Truyện Họ Hồng Bàng cho phép người ngày nay vẽ được hệ phả của vua Hùng như sau:



Hùng Vương thứ nhất là người con trai trưởng, theo mẹ Âu Cơ, được 49 người em cùng theo mẹ về Phong Châu tôn lên làm vua.

Hùng vương 18 chấm dứt họ Hồng Bàng năm Quý Mão, -258 khi Thục Phán chiếm nước Văn Lang của Hùng Vương.

Đối chiếu với huyền thoại các nền văn minh khác trên thế giới.

Tại Trung Quốc:

Tam Hoàng: Phục Hy (2852 TCN), Nữ Oa (Toại Nhân), Thần Nông (2737 TCN))

Ngũ Đế: Hoàng Đế (2697 TCN)), Chuyên Húc (2513 TCN), Đế Cốc (2453 TCN),

Đế Nghiêu (2341 TCN), Đế Thuấn (2268 TCN)

Tam đại: Nhà Hạ (2205-1767 TCN), Nhà Thương (1766-1122 TCN),

Nhà Chu (1122-256 TCN)

Đối chiếu với niên đại thần thoại của các nhân vật khác trên thế giới.

Abrham -2000 TCN

Moise -1200 TCN

Salomon -1000 TCN

Véda từ -1800 TCN đến - 500 TCN

Phật từ -563 đến -479 TCN

Khổng Tử từ -551 đến -479

Sách Hindou của Bhagavad Gita -200 TCN

Giê-su Nazaret khoảng 2 đến 4

Muhammad (Mohamet) từ 570 đến 632

Văn hóa Phùng Nguyên Thời kỳ sơ khởi của đồ đồng từ -800 đến -700 TCN

Thời kỳ sơ khởi của đồ sắt từ -200 đến -100 TCN

Giai đoạn cuối thời kỳ đồ đá mới ở bên Tàu kéo dài từ - 4000 đến -2000 TCN.

2. Sự Tích Các Nhân Vật trên hệ Phả.

Khởi đầu hệ phả là Viêm Đế Thần Nông, theo thần thoại Trung Quốc, thì thần có công dạy dân trồng trọt cày cấy nên gọi là Thần Nông; thần khiến mặt trời chiếu sáng và sưởi nóng trái đất nên người người tôn làm Viêm Đế. Thần có pháp thuật tìm ra được tính chất của mọi loài thảo mộc để dùng vào việc chữa bệnh cho loài người. Thần còn dạy dân họp chợ buôn bán theo giờ mặt trời. Người Bách Việt cũng kể sự tích Viêm Đế Thần Nông trong thần thoại.

Đế Viêm quả là một vị anh linh thần thoại. Thần có công dạy dân làm nghề nông, thấy có pháp thuật sai khiến ánh sáng, không phải thứ ánh sáng thường mà là thứ ánh sáng giúp thần nhìn ra được trái cây nào ăn được, lá nào cỏ nào chữa được bệnh nào. Thứ ánh sáng đó ngày nay chúng ta gọi là tri thức. Thế là thần lo được thức ăn nuôi sống, tìm ra được thuốc chữa bệnh cho loài người. Hơn nữa thần sai được mặt trời sưởi ấm cho người, nuôi lớn cây cỏ. Đế Viêm Thần Nông như vậy không phải là một thần linh có phép khai thiên lập địa, và chính là *thần linh mở hội*, Être Surnaturel ré-createur ², của con người cõi Đông Á.

Kể từ Viêm Đế Thần Nông, qua hai đời tới Đế Minh. Đế Minh lấy một bà không biết tên sinh ra Đế Nghi, và lấy bà Vụ Tiên Nữ sinh ra Kinh Dương Vương.

Đế Nghi được phong làm vua Phương Bắc và sinh ra Đế Lai. Kinh Dương

2. Mircea Eliade, *Aspects du Mythe*, Gallimard, Paris 1963, p.61.

Vương làm vua Phương Nam. Kinh Dương Vương lấy bà Thần Long Nữ, con gái vua Hồ Động Đình, sinh ra Lạc Long Quân, rồi sau đó Kinh Dương Vương biệt tằm.

Theo hệ phả trên đây, Kinh Dương Vương là con Đế Minh và sinh ra Lạc Long Quân, ông tổ của dòng vua Hùng dựng nên nước Văn Lang. Kinh Dương Vương có tài đi dưới Thủy Phủ, lấy con gái vua hồ Động Đình, sinh ra Lạc Long Quân. Chi tiết này chỉ ghi trong sách Thái Bình Quảng Ký của Trung Quốc. Tuy nhiên các nhà viết sử không cho là Kinh Dương Vương là người phương Bắc, dấu vẫn được coi là một nhân vật thần thoại Trung Quốc. Xét lại, Kinh Dương Vương vốn quê quán tại vùng Ngũ Hồ, ở phía Nam sông Dương Tử, thì ở thời Kinh Dương Vương đất này còn thuộc địa bàn sinh tụ Bách Việt, trong số đó Lạc Việt, với văn hóa phương Nam, khác hẳn với văn hóa của người phương Bắc, và lúc đó Hán tộc cũng chưa thành hình. Đáng khác, trong lĩnh vực sử ký, ngay từ đời Đế Lai và Kinh Dương Vương đã có hai nước riêng biệt, một ở phương Bắc, hai là nước Xích Quỷ ở phương Nam. Như vậy, rõ ràng là từ đời thượng cổ đã có hai nước và hai vua: *vua Bắc vua Nam mỗi vua hùng cứ một phương*.

Tại nước phương Bắc, Đế Lai truyền ngôi cho Đế Du, và dùng Xuy Vuơ để trị nước rồi đem theo con gái là Âu Cơ, đi tuần thú xuống nước Xích Quỷ. Vua để Âu Cơ ở lại nơi hành tại rồi tiếp tục chu du thiên hạ, vui thích quên trở về. Lúc đó, Lạc Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước vắng vua, người phương Bắc nhân cơ hội tràn xuống phương nam quấy nhiễu. Thế là, ngay từ thời thượng cổ, *chiến tranh Bắc Nam, do người phương Bắc hiếu chiến gây ra, bắt đầu nảy mầm*.

Dân nước Nam khổ vì người phương Bắc xâm lăng cùng nhau gọi Lạc Long Quân. Lạc Long Quân trở về, dẹp yên loạn Bắc, lại thấy Âu Cơ dung mạo kỳ lạ, trong lòng vui mừng, hóa thành một trang thanh niên phong tư tú lệ, lại hóa phép tạo nên cung điện có người hầu kẻ hạ đầy đủ, làm toại lòng Âu Cơ. Âu Cơ lấy Lạc Long Quân về ở Long Đài Nham. Đế Lai trở về không thấy ái nữ, bèn cho quân tìm kiếm, nhưng bị Lạc Long Quân hóa phép thành muôn hình vạn trạng yêu tinh, hổ rấn, khiến quan quân phương bắc sợ hãi không tìm đâu thấy bà Âu Cơ, bèn phải trở về phương Bắc. *Cuộc xâm lăng của người phương Bắc xuống phương Nam lần thứ nhất đã thất bại phải rút về phương Bắc*.

Điểm đáng ghi nhớ làm vua nước Xích Quỷ, Lạc Long Quân tiếp tục công nghiệp của Viêm Đế Thần Nông, dạy dân cấy cấy làm ruộng trồng dâu, Sự kiện này bác bỏ truyền thuyết về quan Thái Thú quận Cửu Chân Nhâm Diêm

khai khẩn ruộng đất để dân có thóc gạo mà ăn. Hai là việc Long Quân đặt ra thứ bậc vua tôi tôn, ti, các đạo vợ chồng. Sự kiện này bác bỏ truyền thuyết quan Thái Thú quận Giao Chỉ Tích Quang dạy dân điều lễ nghĩa. Đàng khác, theo biểu của Tiết Tống 薛綜 dâng lên Tôn Quyền: « Theo sử sách thời Tích Quang dạy dân sống theo lễ nghĩa Trung Quốc, nhưng điều thần nhìn thấy tận mắt thì tình hình khác hẳn ». Tại Mê Linh trong quân Giao Chỉ và tại Đồ Long quân Cửu Chân khi người anh chết đi, người em có quyền cưới chị dâu làm vợ. Tục này có từ lâu, khiến nay không sao ngăn cấm được. Lời biểu của Tiết Tống chứng minh rõ rệt là *phong tục Bắc Nam cũng khác*.

Tóm lại, Lạc Long Quân, tiếp tục công trình của Viêm Đế Thần Nông, dạy dân nước Xích Quỷ trồng trọt cày cấy để có thức ăn. Lạc Long Quân không có pháp thuật tạo ánh sáng, gọi mặt trời giúp dân như Viêm Đế Thần Nông, nhưng các nhà biên thuật sách Lĩnh Nam Chích Quái đã tô đậm về thần linh của Lạc Long Quân bằng cách dùng nét huyền bí mà giới nghiên cứu thần thoại gọi là *coincidentia oppositorum*³, tức là phép thần thông khổng chế nổi những yếu tố đối nghịch, hay phép huyền bí toàn năng, *mystère de totalité*. Phép thần thông toàn năng của Lạc Long Quân là bởi Lạc Long Quân có bà nội là Vụ Tiên, gốc là tiên và có mẹ là Thần Long Nữ, gốc rồng. Dòng máu trong người Lạc Long Quân gồm hai dòng máu đối nghịch : một là Tiên, hai là Rồng, và Tiên vốn ở trên núi, Rồng vốn sống dưới nước. Mang trong người hai giong máu đối nghịch, nên Lạc Long Quân là một thần linh có nét huyền bí toàn năng. Lạc Long Quân có thể xuống Thủy Phủ như rồng, có thể phun lửa như rồng, có thể cuộn ngắn vươn dài như rồng v.v... đàng khác, Lạc long quân có thể nay lên núi, tuyệt cốc mà vẫn sống như Tiên... Lạc Long Quân lại có tài biến hoá dựng lên lâu đài thành quách trong khoảng khắc. Đặc biệt là *Lạc Long Quân coi dân nước Xích Quỷ như con và người dân nước Xích Quỷ coi Lạc Long Quân như cha*. Gặp khó khăn đe dọa, người dân cầu khẩn Lạc Long Quân, nghe dân Xích Quỷ cầu xin, dẫu xa xôi tới đâu Lạc Long Quân cũng dùng mọi phép thần thông về bên họ, giúp họ thoát khỏi vòng nguy hiểm.

3. Tương Quan giữa Truyện Họ Hồng Bàng và Một Vài Sử Gia Đời Sau.

Sử gia thời Trần, Lê Văn Hưu (1230-1322) trong bộ Đại Việt Sử Ký lấy niên hiệu lập quốc bắt đầu từ Triệu Đà (Triệu Vũ Đế 207 -136 TCN). Ngô Sĩ Liên, sử

3. Mircea Eliade, *Méphistophélès et l'Androgyne*, Gallimard, Paris 1962, p.176.

quan dưới thời vua Lê Thánh Tông (làm vua từ 1460 đến 1497), soạn xong bộ Đại Việt Sử Ký Toàn thư năm 1479, chép lịch sử bắt đầu từ thời Hồng Bàng. Các nhà sử học ngoại quốc ngày nay rất chú ý tới sự khác nhau trong việc chọn khởi điểm quốc sử Việt Nam giữa Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên trên đây.

Theo Yu Insun, sử gia người Đại Hàn⁴, thời Lê Văn Hưu chép sử bắt đầu từ Triệu Đà vì Triệu Đà là người đầu tiên xưng *đế* đặt vua nước Nam Việt, *ngang hàng với các hoàng đế Trung Quốc*. Ngô Sĩ Liên chép sử từ đời Hồng Bàng để chứng tỏ là nước Đại Việt đã có nền văn hiến cổ kính không kém gì Trung Quốc, và *vua Bắc vua Nam mỗi vua hùng cứ một phương*. Hai điểm kể trên chính là những điều mà các nhà biên tập đã nhấn mạnh trong sách Lĩnh Nam Chích Quái.

Keith Weller Taylor, cho rằng bắt đầu từ đời Hùng Vương, cho suốt một ngàn năm ngoại thuộc Trung Quốc, người Lạc Việt không ngừng tuyên cáo rằng «chúng tôi không phải là người Trung Hoa, và cũng không ngừng khẳng định chúng tôi là người Việt Nam⁵. »

Hơn nữa, mỗi bận tâm hàng đầu của các sử gia kể trên là bác bỏ điều mà người Trung Quốc tự hào là dậy dỗ dân Lạc Việt, từ việc cấy cày cho có đồ ăn tới việc sống theo phép tắc hợp thành gia đình, dựng lên trong triều chính. Theo những nhà biên tập Lĩnh Nam Chích Quái thì những thành quả đó chính là những điều mà Lạc Long Quân đã lưu tâm và thực thi đạt được kết quả tốt đẹp. Phải chăng, những điều đó cũng đủ cho chúng ta ngày nay đoạn chắc *rằng văn hiến cũng như phong tục Bắc Nam khác nhau*.

Theo sử cũ, Đất Văn Lang của vua Hùng Vương thứ nhất rộng lắm, bao gồm các tỉnh Hồ Nam, Vân Nam, Quảng Tây ... một nửa phía bắc Việt Nam cho đến Hà Tĩnh, địa giới bắc tới Động Đình hồ, nam tới nước Chiêm Thành, tây tới Ba Thục, đông giáp Nam Hải. Nước chia làm 15 bộ, mà tổng thể địa thế xem ra chỉ bao gồm từ phía nam tỉnh Quảng Tây của Tàu kéo xuống tới tỉnh Hà Tĩnh của ta ngày nay . Xem Bản Đồ 1.

Hồ Động Đình là một hồ lớn rộng ở phía đông bắc tỉnh Hồ Nam bên Tàu, là một trong 4 hồ nước ngọt của Trung quốc. Thời nhà Hán hồ còn có tên là Bát Bách Lý Động Đình. Từ tháng 7 tới tháng 9 mỗi năm, nước lũ trên sông Dương Tử chảy vào hồ làm tăng diện tích hồ bình thường 2.828 cây số vuông, có thể lên đến 20.000 cây số vuông.

4. Nhung Tuyết Trân and Anthony Reid edit. *Viet Nam Borderless History*, Wiscousin University Press, 2006, p.45-71.

5. Keith Weller Taylor, *The Birth of Vietnam*, University of California Press, Los Angeles, 1983, p. 263.

Lê Quý Đôn viết trong Vân Đài Loại Ngữ: Tôi xét đời Hùng Vương, trên nổi đời Hồng Bàng, không có chữ nghĩa gì truyền lại, về 15 bộ đặt ra thời đó, cùng với các quận huyện do nhà Hán, nhà Ngô mới đặt ra, tên gọi lẫn lộn, tôi ngờ rằng những tên đó do các hậu nho góp nhặt vay mượn chép ra, khó mà tin được.



Bản đồ 1. (Nguồn internet)

Sử cũ ghi rằng từ khi Hùng Vương thứ nhất dựng nước Văn Lang năm Nhâm Tuất (2879 TCN) đến khi Thục Phán chấm dứt triều đại Hùng Vương lập nên nước Âu Lạc năm Quý Mão (258 TCN) tổng cộng là 18 đời vua, 2621 năm. Đó là một điểm phi lý của truyện Họ Hồng Bàng mà nhiều sử gia đời trước đã bàn tới.

Ngô Thời Sĩ ở thế kỷ 18 đã viết: lấy con toán mà kể xem từ khoảng đời Kinh Dương Vương đến đời Hùng Vương 20 đời vua 2622 năm, nhiều ít mỗi vua được 120 tuổi, Người ta không phải là vàng đá, sao lại sống lâu được như thế?

Vua Tự Đức khi duyệt phê bộ Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, viết: “Việc kinh Dương Vương và Lạc Long Quân mà sử cũ đã chép, hoặc có hoặc không, dầu có nhưng không nên thảo luận đến là hơn cả, thế mà sử cũ nhất luật chép bằng chữ lớn, và trong chỗ chép ấy lại phần nhiều mò mẫm những chuyện ma trâu thần rắn, những thuyết hoang đường quái dị, không hợp lẽ thường. Vậy thì đối với bỏ việc quái dị, nói việc bình thường của nhà làm sử, có thể chép như thế được không. Vậy bộ Việt sử thông giám cương

mục này, chuẩn y cho chép bắt đầu từ đời Hùng Vương để nêu rõ quốc thống nước Việt ta là trước từ đây.

Trần Trọng Kim trong bộ Việt Nam Sử Lược nhận xét: Xét từ đời Kinh Dương Vương đến đời Hùng Vương thứ 18, cả thảy 20 ông vua, mà tính từ năm Nhâm Tuất (-2879) đến năm Quý Mão (-258) thì vừa được 2622 năm. Cứ tính hơn bù kém, mỗi ông vua trị vì được non 150 năm! Dẫu là người thượng cổ đi nữa, thì cũng khó lòng mà có nhiều người sống lâu được như vậy. Xem thế thì đủ biết chuyện đời Hồng Bàng không chắc là chuyện xác thực.

Đại Việt sử lược là một cuốn lịch sử biên niên có lẽ sớm nhất, viết bằng chữ Hán của một tác giả khuyết danh, xuất hiện vào đời nhà Trần. Sách bị thất truyền, mãi đến đời Càn Long (1736-1795) mới tìm thấy trong Khâm Định Tứ Khố Toàn Thư của triều Thanh ở Trung Quốc. Trong Đại Việt Sử Lược có đoạn như sau:

Đến đời Thành Vương nhà Chu, Việt Thường thị mới đem dâng chim bạch trĩ, sách Xuân Thu gọi là khuyết địa, sách Đái ký gọi là Điều đế.

Đến đời Trang Vương nhà Chu (696-682 TCN) ở bộ Gia Ninh có người lạ, dùng ảo thuật quy phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văn Lang, đặt quốc hiệu là Văn Lang, phong tục thuần lương chân hậu, chính sự dùng lối kết thành (thắt gút). Truyền được 18 đời đều xưng là Hùng Vương.

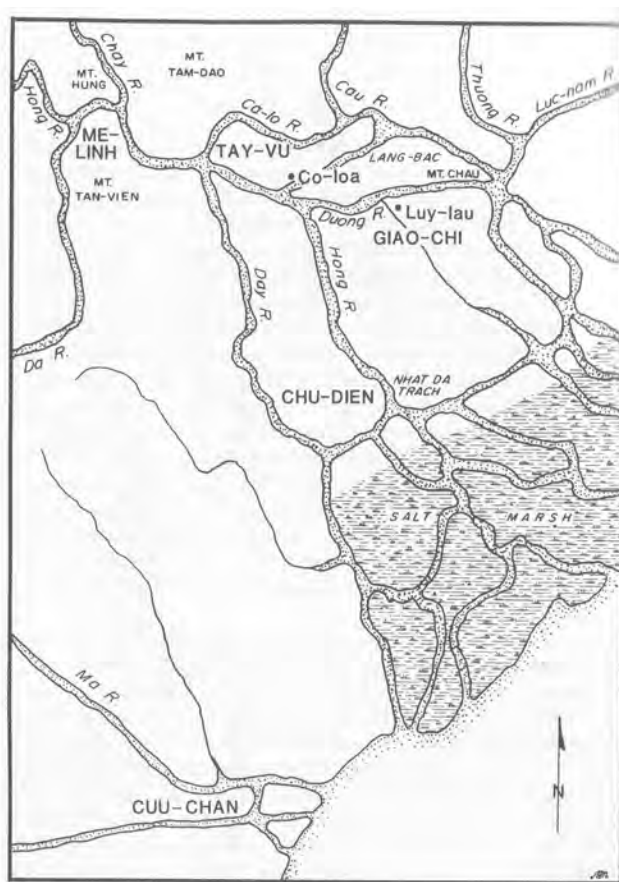
Việt Câu Tiễn (505-465 TCN) thường sai sứ sang dụ, Hùng Vương chống cự lại. Cuối đời nhà Chu Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi rồi lên thay

Những điểm phi lý tương tự cũng là những điểm các sắc dân khác cũng từng gặp trong việc đọc thần thoại.

Viễn du về quá khứ qua truyện Lĩnh Nam Chích Quái, thuở chưa có văn tự, chúng ta đặt nhiều câu hỏi. Lãnh thổ lại quá rộng, từ phía nam rặng núi Ngũ Lĩnh cho đến Hà Tĩnh. Niên đại, lấy năm Nhâm Tuất 2879 TCN khi Kinh Dương Vương lập nước làm mốc là một nghi vấn lớn mà các sử gia hoài nghi. Có lẽ thuyết của Đại Việt Sử Lược lấy đời Trang Vương nhà Chu thế kỷ thứ 7 trước công nguyên là khả tín. Ta có thể đối chiếu với huyền thoại của Triều tiên, cũng có truyền thuyết về lịch sử nước này được thành lập năm -2333 cho đến cuối thế kỷ 3 TCN, ngẫu nhiên trùng hợp với thời kỳ Văn Lang của Hùng Vương. Sự hiểu biết về địa lý và niên đại theo khẩu truyền và tin tưởng của người đương thời. Từ Kinh Dương Vương cho đến cuối đời Trần thế kỷ 14 cả mấy ngàn năm truyện kể bằng miệng từ đời này sang đời khác, có bao nhiêu

biến thể về thời gian và không gian.

Trên bản đồ 2 dưới đây, Mê Linh ở góc tây-bắc, trong một bình nguyên ở khúc sông Nhị Hà, người Âu Mỹ gọi là sông Hồng Hà, Red River, đổ xuống tới chân núi và gặp hai sông Đà và sông Cháy. Khúc sông này còn ở cao độ chừng 10 tới 12 mét đối với mặt biển, và cách biển chừng 100 hải lý. Đồng bằng này nằm dưới bóng ngọn Tân Viên về phía tây-nam và ngọn núi Tam đảo về phía đông-bắc. Ba dòng sông Nhị, sông Đà sông Chảy gặp nhau trước mặt đền thờ vua Hùng. Người đọc Lĩnh Nam Chích Quái dễ dàng chấp nhận bản đồ trên đây là bản đồ nước Văn Lang, với những quận Giao Chỉ, ở giữa vùng châu thổ sông Nhị Hà, quân Cửu Chân nằm ở phía nam Sông Mã, nay là vùng Thanh Hóa. Thành Luy Lâu, cái nôi của Phật Giáo Việt Nam ở bờ Nam sông Đuống. Đầm Nhất Đa Trạch ở mé bắc vùng đồng chua nước mặn.



Bản đồ 2. Nước Văn Lang (Nguồn : K.W. Taylor, The Bith of Vietnam, p.2)

4. Từ Thần Thoại sang Tín Ngưỡng và Tập Tục

Tín ngưỡng quỷ thần là ý thức phổ biến của nhân loại trong thời kỳ nguyên thủy. Thời nhà Thương bên Tầu chỉ mới có quan niệm về Đế, vị thần tổ tiên của quân vương, tuy đã khuất nhưng vẫn còn quan hệ với con cháu ở nhân thế.

Trong truyện Hồng Bàng có nhiều nhân vật và sự việc vượt quá khỏi sự hiểu biết của con người, như Long Vương ở Thủy phủ Động Đình hồ, Long đài, Long Quân thần thông biến hóa, Vụ Tiên, mình thú nói tiếng người ... Ngày nay, không ai bận tâm về chuyện đúng sai của những sự kiện này. Vấn đề đặt ra là ý nghĩa của những sự kiện đó phản ánh vào cuộc sống ngày nay ra sao, những sự kiện này giúp chúng ta tìm thấy căn tính chúng ta ra sao.

Trở lại truyện thần thoại Họ Hồng Bàng cho phép chúng ta nhìn nhận ra hai điểm hiển nhiên sống động trong truyền thống của người Việt Nam ngày nay, ở bất cứ nơi nào trên trái đất. Hai điểm đó là:

- a. Việc ăn tết Nguyên Đán và các hội xuân kéo dài suốt tháng giêng âm lịch;
- b. Việc giỗ tổ Hùng Vương hàng năm, và những ngày giỗ ông bà cha mẹ trong nhà..

Theo nguyên tắc thì Linh Nam Chích Quái không phải là một tập thần thoại khai thiên lập địa, mà là một tập thần thoại ghi chép lại việc dựng nước của dòng vua Hùng. Trong việc dựng nước này, nhà biên soạn đã lấy gia phả Lạc Long Quân làm khởi điểm, lấy Viêm Đế Thần Nông làm gốc. Viêm Đế Thần Nông dạy dân khai thác thiên nhiên để sống. Thiên Nhiên hàng năm *trở lại* không năm nào khác năm nào: thiên nhiên tự tái tạo, để mãi mãi nuôi sống con người trên trái đất. Nhân dân ăn tết Nguyên Đán hàng năm là để mừng thiên nhiên đang trở lại, thiên nhiên đang tự tái tạo để nuôi sống con người thêm một năm nữa. Trong thực tế, câu chuyện ăn tết Nguyên Đán không phải chỉ riêng của người Việt Nam, người Trung Quốc, Đại Hàn, Nhật Bản và nhiều sắc dân khác ở miền Nam Thái Bình Dương cũng ăn tết với cùng ý nghĩa như chúng ta. Tuy vậy, chúng ta vẫn còn những cặp bánh chưng những cỗ bánh dày, thịt mỡ dưa hành khác với các món ăn của các dân tộc khác.

Sang điểm (b) từ thượng cổ, Bố Long Quân, tuy là một ông vua, nhưng còn được coi như một ông Bố phù hộ người dân, cũng như Đế tổ tiên của nhà Thương phù giúp con cháu. Khi bị cá sấu đe dọa, không thấy người Việt cầu cứu thần rồng, thần thủy hay Hà Bá, chỉ vẽ hình “bố” Long Quân trên mình để trừ họa. Lòng tin được Bố Lạc Long Quân phù hộ của dân nước Xích Quỷ

ngay nay trở thành tục thờ cúng vua Hùng của người Việt Nam. Đáng khác, trong mỗi gia đình Việt Nam, bất kỳ theo tôn giáo nào cũng có ban thờ tổ tiên cha mẹ. Không người Việt Nam nào không thăm khấn ông bà cha mẹ che chở cho tai qua nạn khỏi; đồng thời ai ai cũng chùn tay khi làm một điều phi pháp e làm điểm nhục tới tổ tiên.

Như vậy liên quan giữa *đế* tức vua với người dân, bên Tàu khác hẳn bên ta. Bên ta mỗi tương quan này rất đơn giản: *vua coi dân như con, dân coi vua như cha*. Bên Tàu, mỗi tương quan này chỉ có giữa các vị quân vương. Hơn nữa, sau này, tại Trung Quốc, khi Nho Giáo trở thành quốc giáo, mỗi tương quan giữa vua và dân trở thành phức tạp hơn, và theo trật tự “quân, sư, phụ”, từ vua xuống tới dân phải bắc cầu qua hai bậc khác, đó là thầy học và cha đẻ. Tập tục này theo Nho Giáo cũng tràn sang giới nho giả Việt Nam, nhưng trong dân gian vẫn còn truyền tụng câu chuyện “sợ thầy không bằng sợ giặc”.

5. Tương Quan giữa Vua và Dân Nước Văn Lang.

Truyện Họ Hồng Bàng chấm dứt bằng một bức tranh xã hội rất thực tiễn. Bức tranh cho thấy những hoạt động hàng ngày của người dân nước Văn Lang: mặc áo vỏ cây, ngủ chiếu cỏ gianh, lúa gạo chưa đủ ăn, phải ăn độn cây quang lang, cây tung đồ; nhưng đồng thời đã biết sản xuất muối bằng rế gừng; lấy nước gạo làm rượu; cất nhà ở tránh thú dữ; đã biết lấy lá chuối làm lót cho con trẻ; đã biết tôn trọng người chết; đã biết cùng nhau cổ bàn chia vui nhân dịp cưới hỏi ...Ba thời điểm quan trọng của cuộc đời con người: lúc sơ sinh, ngày thành hôn, giờ lâm tử đều đã được người nước Văn Lang ghi nhận bằng lễ nghi. Phải chăng bức tranh xã hội này là hình ảnh của người dân Văn Lang. Hình ảnh này chẳng mấy khác gì địa đàng của Adam và Eve trước ngày bị xua đuổi ra ngoài thế gian. Phải chăng Lạc Long Quân cũng đã tốn công tốn sức trong việc xây đắp địa đàng này cho đám dân con của Lạc Long Quân. Vốn lại mang trong người hai dòng máu rồng tiên, Lạc Long Quân không quản ngại, không hưởng thụ kiếp sống trường sinh bất tử tại Tiên Giới, nơi quê hương bà nội, cũng không màng tưởng tới ngại rồng nơi Thủy Phủ, quê hương của mẹ, Lạc Long Quân về nước Văn Lang, nơi bà Âu Cơ sống cùng năm chục người con, để phù trợ cho dân con nước Văn Lang.

Hiểu câu chuyện con rồng cháu tiên như vậy, người đọc thần thoại không khỏi liên tưởng tới truyện Từ Thức Nhập Thiên Thai. Trong sách Truyền Kỳ Mạn Lục của Nguyễn Dữ, Từ Thức vào tới Thiên Thai, lấy vợ tiên, nhưng lòng

không khỏi nhớ quê cha đất tổ, nhất định ra về quê hương, dầu biết là ra khỏi Thiên Thai là không trở lại Thiên Thai được nữa, là mất phép trường sinh bất tử. Truyện Lạc Long Quân còn có đôi nét tương đồng với thần thoại Hy Lạp Ulysse. Khi Ulysse từ chối lời hứa của tiên nga trên hải đảo Calypso đề nghị, vì tình yêu chàng, sẽ giúp chàng không những trường sinh bất tử, lại thêm không bào giờ già lão, quyết lòng trở về quê hương Itaque, nối lại cuộc sống với người vợ trung thành Pénélope. Khác với Từ Thức, khác với Ulysse, Lạc Long Quân không từ chối một lời hứa được có cuộc sống vô tận, mà đã không sử dụng đến một quyền pháp vốn có sẵn trong dòng máu của chính mình, để ở lại trần thế vì đám dân con. Đó là mối tương quan giữa Vua và dân nước Văn Lang.

III

Kết Luận

Người viết chủ tâm dùng tương lai của truyện thần thoại thay kết luận. Chỉ cần nửa ngày vào thư viện và xem thư mục trên màn tin, người viết tìm ra được một số tài liệu liên quan tới câu chuyện này, mà ước chừng sáu tháng tới một năm nữa mới đọc xong, thế nên đành để đó làm chủ đề cho một số Truyền Thông khác. Kết luận bài viết này do đó để ngỏ mong làm nhíp cầu đối thoại với bạn đọc. Điều hiển nhiên là hiện nay với phong trào toàn cầu hóa, công cuộc đi tìm kiếm căn tính dân tộc trở thành một câu chuyện thời thượng. Ngoài ra, người viết tin tưởng rằng không có biến cố lịch sử nào có thể xóa nhòa được những truyện thần thoại đã có trong lòng người hàng ngàn năm qua.